

CÔNG TY TNHH TVXD CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
LONG HẢI

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày, 13 tháng 04 năm 2026

CÔNG BỐ CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ
NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về cấp, cấp, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Long Hải công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng như sau:

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

1. Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG LONG HẢI

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Giấy chứng nhận ĐKKD và đăng ký thuế số: 6101193528 đăng ký lần đầu ngày 23/07/2015 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp

3. Địa chỉ trụ sở chính: Đường Đặng Thái Thủy – phường Duy Tân - Thành phố Kon Tum – tỉnh Kon Tum nay là Đường Đặng Thái Thủy, phường Đăk Cẩm, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Địa chỉ hòm thư điện tử: Donglonghaikt@gmail.com

5. Số điện thoại: 0905060280

6. Tên phòng thí nghiệm: PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH LAS-XD 33.012

7. Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Đường Đặng Thái Thủy, phường Đăk Cẩm, tỉnh Quảng Ngãi.

II. THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC CỦA TỔ CHỨC HOẠT THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

1. Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm

	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
(1)	(2)	(3)
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG	
1	Phương pháp lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử	TCVN 4787:2009; ASTM C138; AASHTO T127
2	Phương pháp xác định độ mịn, bề mặt riêng (PP Blaine), khối lượng riêng của xi măng; xi măng sunfat	TCVN 13605:2023; TCVN 6067:2018; ASTM C184; C188; 150; C204; AASHTO T133; T153; T192; BS EN 196-6:10; JIS R5201:97
3	Phương pháp thử. Xác định cường độ	TCVN 6016:2011 ; ASTM C109, C348, C349; AASHTO T106-11; BS EN 196-1: 2005; JIS R5201:97
4	Phương pháp xác định thời gian đông kết và độ ổn định thể tích	TCVN 6017:2015; ISO 9597:2008; ASTM C187; C191; C185; C150; AASHTO T131-10; BS EN 196-3:05; IJS R5201:97; ISO 9597:2008
5	Lấy mẫu, chế tạo và bảo dưỡng mẫu thử	TCVN 3105:2022; ASTM C172:90; AASHTO T141; T23;T126; BS 1881
6	Phương pháp xác định độ sụt	TCVN 3106:2022; ASTM C143-10a; AASHTO T19-11; BS1881 P.102; BS EN 12350-2:09; JIS A 1101:05; ISO 1920-2:2005
7	Phương pháp xác định độ cứng VEBE	TCVN 3107:2022; ASTM C1170; BS EN 12350-3:09
8	Phương pháp xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022 TCVN 3108:2022; ASTM C138-12; AASHTO T121-11; BS EN 12350-6:09; BS 1881 P.107; JIS A1116:05
9	Phương pháp phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:2022
10	Phương pháp xác định độ tách vữa và độ tách nước	TCVN 3109:2022; ASTM C232-09; AASHTO T158-11; BS EN 12350-4:09; BS EN 480-4:96; JIS A1123:10
11	Phương pháp xác định khối lượng riêng và độ rỗng	TCVN 3112:2022; ASTM C642-06; BS EN 12390-7:09; BS 1881 P.114
12	Phương pháp xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022; ASTM C642-06; BS EN 12390-7:09; BS 1881 P.112

13	Phương pháp xác định độ chống thấm nước. Phương pháp vết thấm	TCVN 3116:2022; BS EN 12390-8
14	Phương pháp xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022; ASTM642-6; BS EN 12390-7:09; BS1881 P.114
15	Phương pháp xác định cường độ chịu nén	TCVN 3118:2022; ASTM C39; C42; C873; AASHTO 22; T140; T24; BS 1881 P.119; P116; BS EN 12504-1:09; JIS A 1108; A1107; AS 1012.9:86
16	Phương pháp xác định cường độ chịu kéo khi uốn	TCVN 3119:2022; ASTM C293; C78; AASHTO T97; T177; JIS A 1114:11
17	Phương pháp xác định cường độ chịu kéo khi bẻ	TCVN 3120:2022; ASTM C496-11; AASHTO T198-09; BS EN 12390-6:09; JIS A 1113:06
18	Phương pháp xác định thời gian đông kết	TCVN 9338:2012; ASTM C403-08; AASHTO T197-11
19	Phương pháp xác định cường độ lăng trụ và mô đun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:2022; ASTM C496; JIS A1127, A1149
20	Thí nghiệm lõi khoan bê tông	AASHTO T24; ASTM C42/C43M
21	Phương pháp xác định cường độ bê tông trên mẫu lấy từ kết cấu	TCVN 12252:2020
22	Xác định nhiệt độ trong hỗn hợp bê tông	TCVN 9340:2012; ASTM C1064; AASHTO T309; JIS A1156
23	Tính toán, lựa chọn thành phần bê tông các loại	QĐ:778/1998/QĐ-BXD
24	Thiết kế thành phần cấp phối bê tông	Theo Quyết định số: 778/QĐ-BXD; ACI 211.1:1997
	THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA	
25	Thành phần cốt hạt; Xác định thành phần thạch học; Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước; Xác định khối lượng riêng;	

	độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy (Los Angeles); Xác định hàm lượng hạt thoai det trong cốt liệu lớn; XĐ hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá; XĐ hàm lượng hạt bị đập vỡ; XĐ hàm lượng mica	
27	Quy trình thí nghiệm bê tông xi măng	22 TCN 60:1984
28	Xác định hệ số ES	ASTM D2419-1991
29	Phương pháp xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005, ASTM D5:06; 22TCN 279-01; AASHTO T49:06
30	Phương pháp xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005; ASTM D113-07; 22TCN 279-01; AASHTO T51:09
31	Phương pháp xác định điểm hoá mềm (dụng cụ vòng-và-bi)	TCVN 7497:2005, ASTM D36-00; 22TCN 279-01; AASHTO T53:06
32	Phương pháp xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hở Cleveland	TCVN 7498:2005, ASTM D92-02; AASHTO T48:06
33	Phương pháp xác định tổn thất khối lượng sau gia nhiệt	TCVN 7499:2005; AASHTO T47:98; ASTM D6-95
34	Phương pháp xác định độ hoà tan trong tricloetylen	TCVN 7500:2005; AASHTO T44:03; ASTM 2042-09
35	Xác định khối lượng riêng (Phương pháp Pycnometer)	TCVN 7501:2005; ASHTO T1228:09; ASTM 70-90
36	Xác định độ bám dính đối với đá	TCVN 7504:2005; AASHTO T182:84; ASTM D3625:05
37	Phương pháp xác định độ nhớt động	TCVN 7502:2005; AASHTO T201; ASTM D2170; ASTM D2196
38	Xác định hàm lượng paraffin bằng phương pháp chưng cất	TCVN 7503:2005; ASTM D 5443 - 04
39	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011; ASTM D1559:89; ASTM D6927:15; AASHTO T245:13
40	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:2011; ASTM D2172:11; AASHTO T164:13
41	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011 ASTM C136;

		AASHTO T172
42	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011; ASTM D2041:11; AASHTO T209:12
43	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011; AASHTO T166:13; AASHTO T275; ASTM D2726:13
44	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011; AASHTO T51:00; AASHTO T305:97; ASTM D1559
45	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011; AASHTO T304:96
46	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011; ASTM D2726; AASHTO T166
47	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011; ASTM D3203:11; AASHTO T269:11
48	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011; ASTM D3203:11; AASHTO T269:11
49	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011; ASTM D3203; AASHTO T269:11
50	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011; AASHTO T245:97
51	Hỗn hợp bê tông nhựa nóng – Thiết kế theo PP Marshall	TCVN 8820:2011; 22TCN356:06; 858/QĐ-BGTVT
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG	
52	Phương pháp xác định khối lượng riêng trong phòng thí nghiệm	TCVN 4195:2012; ASTM D854-00; ASTM D5550:06; AASHTO T100:06
53	Phương pháp xác định độ ẩm và độ hút ẩm trong phòng thí nghiệm	TCVN 4196:2012; ASTM D2216-10; ASTM D4959:07
54	Xác định giới hạn chảy, giới hạn dẻo và chỉ số dẻo; Phương pháp xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy trong phòng thí nghiệm	TCVN 14134-4:2024; TCVN 4197:2012; ASTM D4318-00; AASHTO T89; T90
55	Chuẩn bị khô mẫu đất; Chuẩn bị ướt mẫu đất; Xác định thành phần hạt; Phương pháp phân tích thành phần hạt trong phòng thí nghiệm	TCVN 14134-1:2024; TCVN 14134-2:2024; TCVN 14134-3:2024; TCVN 4198:2014; ASTM C136-06; ASTM D1140-00; ASTM D422-63; AASHTO T88; T27; AASHTO T11-

			05
56	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng.		TCVN 4199:1995; ASTM D3090:98
57	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông		TCVN 4200:2012; ASTM D2435; ASTM D3877; ASTM D4546
58	Phương pháp xác định độ bền nén một trục nở hông		TCVN 9438:2012; ASTM D2166-01; AASHTO T208
59	Phương pháp xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm; Đất, cát, đá dăm dùng trong công trình giao thông. Đầm nén Proctor		TCVN 4201:2012; TCVN 12790:2020; 22TCN333:06; ASTM D1557:02; ASTM D698-00a; AASHTO T99; T180; BS1377 P.4
60	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)		TCVN 4202:2012; ASTM D2937:71
61	Phương pháp xác định tỷ số CBR trong phòng thí nghiệm		TCVN 12792:2020; 22TCN 332- 06; ASTM D1883:07; AASHTO T193:10; BS 1377:90 P.4; JIS A 1211
62	Phương pháp xác định hệ số thấm của đất trong phòng thí nghiệm		TCVN 8723:2012; ASTM D2435-00; JIS A1218
63	Gia cố đất bằng chất kết dính vô cơ, hóa chất hoặc gia cố tổng hợp, sử dụng trong xây dựng đường bộ - Thi công và nghiệm thu; Quy trình thí nghiệm xác định cường độ kéo khi ép chẻ của vật liệu hạt liên kết bằng các chất kết dính; Xác định mô đun đàn hồi của vật liệu đá gia cố chất kết dính vô cơ trong phòng thí nghiệm		TCVN 10379:2014; TCVN 8862:2011; TCVN 9843:2013; ASTM D559:96; ASTM D560:96; ASTM D1633:96
64	Thử kéo		TCVN 197:2014
65	Thử uốn thép, thép gai		TCVN 198:2008
66	Kiểm tra chất lượng mối hàn – Thử uốn		TCVN 5401:2010
67	Kiểm tra chất lượng hàn ống - Thử phá hủy mối hàn trên vật liệu kim loại. Thử va đập. Vị trí mẫu thử, hướng rãnh khía và kiểm tra		TCVN 5402:2010
68	Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại – Thử kéo ngang		TCVN 8310:2010
69	Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại – Thử kéo dọc		TCVN 8311:2010
70	Thử kéo bu lông		TCVN 1916:1995; ASTM A370:2002; ASTM F606
71	Cấp dự ứng lực (cường độ, độ giãn dài, độ tụt		ASTM A370;

	neo, modul đàn hồi), kiểm tra hệ thống cáp dự ứng lực trước	ASTM A416; ASTM E18
72	Cáp thép thông dụng - phương pháp xác định tải trọng phá hỏng thực tế	TCVN 6368: 1998
73	Thử Không Phá Hủy Mối Hàn - Thử Siêu Âm	TCVN 6735:2018 ISO 17640:2017
	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG	
74	Phương pháp xác định khối lượng thể tích của đất tại hiện trường Phương pháp xác định độ chặt của đất Xác định độ chặt của đất tại hiện trường bằng phương pháp dao đai	TCVN 8729:2012; TCVN 8730:2012 ; TCVN 12791:2020; 22TCN 02 : 71; AASHTO T204; ASTM D2937
75	Độ ẩm; Khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng PP rót cát	22TCN 346:2006; TCVN 8728:2012; TCVN 8729:2012; TCVN 8730:2012; ASTM D1556 :00; AASHTO T191
76	Xác định độ phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011; ASTM E950:98; ASTM E1082-90(02)
77	Xác định mô đun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011 ASTM D4429
78	Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cân đo vòng Benkelman	TCVN 8867:2011; AASHTO T256:77; ASTM D4695-96
79	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011 ASTM E965-96
80	Chống sét cho công trình xây dựng. Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống	TCVN 9385:2012
81	Phương pháp xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời tại hiện trường	TCVN 8821:2011; ASTM D4429; BS 1377 part 9-4.3
82	Phương pháp thử không phá hủy. Xác định cường độ nén sử dụng kết hợp máy đo siêu âm	TCVN 9335:2012;

	và súng bột này		ASTM C850M-08; ASTM C597-09; EN12504-1:12
83	Phương pháp xác định cường độ nén bằng súng bột này		TCVN 9334:2012
84	Cọc. Phương pháp thử nghiệm hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục		TCVN 9393:2012
85	Thí nghiệm biến dạng nhỏ PIT Kiểm tra khuyết tật bằng phương pháp động biến dạng nhỏ		TCVN 9397:2012; ASTM D 5882-00
86	Phương pháp thí nghiệm hiện trường - thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)		TCVN 9351:2012
87	Thí nghiệm đo moduyn hiện trường		22TCN211:2006
88	Vật liệu kim loại – đường ống bằng gang dẻo – thử thủy tĩnh sau khi lắp đặt		TCVN 7972:2008 ISO 10802 : 1992
89	Đo độ dày lớp phủ bảo vệ, lớp mạ kẽm		TCVN 5408:2007 TCVN 2095:1993
90	Phương pháp không phá hủy xác định chiều dày màng sơn khô		TCVN 9406: 2012
91	- Thử nghiệm kéo nhỏ thép khoan cấy, bulong		TCVN 9490:2012
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ VỮA XÂY DỰNG		
92	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất		TCVN 3121-1: 2022; TCVN 9028:2011; EN 1015-1:99
93	Xác định độ lưu động của vữa tươi		TCVN 3121-3: 2022; TCVN 9028:2011; ASTM C1437:07; EN 1015-3,4:99
94	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi		TCVN 3121-6: 2022; TCVN 9028:2011; EN 445:07; EN 1015-6:99
95	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn		TCVN 3121-10:2022; TCVN 9028:2011; EN 1015-10:99
96	Xác định cường độ nén và uốn của vữa		TCVN 3121-11:2022; ASTM C109-11b; EN 445:07; EN 1015-11:99

97	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:2022
98	Thiết kế cấp phối vữa xây dựng	TCVN 4459:1987
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY	
99	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009
100	Xác định cường độ nén	TCVN 6355-2:2009
101	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3:2009
102	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
103	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009
104	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009
105	-Hình dáng bên ngoài; Thành phần hạt; Lượng mất khi nung; Hàm lượng nước; Độ rỗng; Hệ số hao nước; Thành phần chất hòa tan trong nước; Độ trương nở thể tích của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường, Chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng.	22 TCN 58:1984; TCVN 12884-2:2020; AASHTO T27; AASHTO T100
106	Kiểm tra kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan Xác định cường độ nén Xác định độ hút nước Xác định khối lượng thể tích, độ thấm nước	TCVN 6477:2016
107	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan Xác định cường độ nén Xác định độ hút nước Xác định độ mài mòn	TCVN 6476:1999
108	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; XD độ hút nước bề mặt, độ hút nước tổng; cường độ uốn ngang; Xác định độ mài mòn.	TCVN 7744:2013; BS 4131:73
109	Xác định lực chịu xung kích; Xác định độ mài mòn mất khối lượng bề mặt	TCVN 6065:1995
110	Xác định khối lượng thể tích khô; Xác định cường độ nén; Xác định độ co khô	TCVN 7959:2017

111	Xác định kích thước và chất lượng bề mặt	TCVN 6415-2:2016;
112	Xác định độ hút nước, độ xốp biểu kiến, khối lượng riêng tương đối và khối lượng thể tích	TCVN 6415-3:2005; TCVN 4732:2007
113	Xác định độ bền uốn và lực uốn gãy	TCVN 6415-4:2016; TCVN 4732:2007
114	Xác định độ bền mài mòn sâu đối với gạch không phủ men	TCVN 6415-6:2016 TCVN 4732:2007
115	Xác định độ bền mài mòn bề mặt đối với gạch phủ men	TCVN 6415-7:2016 TCVN 4732:2007
116	Đá ốp lát tự nhiên	TCVN 4732:2007
	NHỮ TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG GÓC AXÍT	
117	Xác định hàm lượng hạt quá cỡ	TCVN 8817-4:2011
118	Xác định độ dính bám và tính chịu nước	TCVN 8817-8:2011
119	Thử nghiệm chưng cất	TCVN 8817-9:2011
120	Xác định bay hơi	TCVN 8817-10:2011
121	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8817-14:2011
122	Xác định độ dính bám với cốt liệu tại hiện trường	TCVN 8817-15:2011
123	Xác định: khối lượng riêng; độ nhớt ; hàm lượng cát; tỷ lệ chất keo; lượng mất nước; độ dày áo sét; lực cắt tĩnh; độ pH; Tính ổn định	TCVN 11893:2017; ASTM D4972; D4381; D4380

2. Danh mục máy móc, thiết bị, dụng cụ

STT	TÊN THIẾT BỊ	Đơn vị tính	Số lượng	Nước sản xuất	Tình trạng thiết bị
1	Máy đo điện trở tiếp đất	Cái	01	Trung Quốc	Tốt
2	Cân điện tử 15Kgx1gr	Cái	01	Trung Quốc	Tốt
3	Cân điện tử 5Kgx0.01gr	Cái	01	Trung Quốc	Tốt
4	Cân cơ 05Kgx0.01gr	Cái	01	Trung Quốc	Tốt

					Quốc	
5	Ổng đồng 1000ml	Cái		03	Trung Quốc	Tốt
6	Ổng đồng 250ml	Cái		04	Trung Quốc	Tốt
7	Ổng đồng 100ml	Cái		05	Trung Quốc	Tốt
8	Nhiệt kế thủy tinh 300°C	Cái		05	Trung Quốc	Tốt
9	Nhiệt kế thủy tinh 100C	Cái		05	Trung Quốc	Tốt
10	Bộ cối chày Proctor tiêu chuẩn	Cái		01	Trung Quốc	Tốt
11	Bộ cối chày Proctor cải biên	Cái		01	Trung Quốc	Tốt
12	Tủ sấy 300C	Cái		01	Trung Quốc	Tốt
13	Máy CBR/Marshall 50KN/30KN	Cái		01	Trung Quốc	Tốt
14	Bộ khuôn CBR đồng bộ	Cái		09	Trung Quốc	Tốt
15	Tỷ trọng kế loại A và B	Cái		02	Trung Quốc	Tốt
16	Bộ TN giới hạn chảy Casagrande	Cái		01	Trung Quốc	Tốt
17	Tấm kính mờ xác định giới hạn dẻo	Cái		03	Trung Quốc	Tốt
18	Bộ sàng đất	Bộ		01	Trung Quốc	Tốt
19	Bộ sàng cấp phối đá dăm	Bộ		01	Trung Quốc	Tốt
20	Bộ sàng bê tông nhựa	Bộ		01	Trung Quốc	Tốt
21	Phễu rót cát	Cái		02	Trung Quốc	Tốt
22	Dao vòng ĐK 1.8 x 40	Cái		02	Trung Quốc	Tốt
23	Dao vòng 80 x 120	Cái		02	Trung Quốc	Tốt
24	Cần Benkenman tỉ lệ 1:2	Cái		01	Trung Quốc	Tốt
25	Tấm ép cứng	Cái		01	Trung Quốc	Tốt
26	Kích 20 tấn, đồng hồ áp lực	Cái		01	Trung Quốc	Tốt
27	Khuôn Marshall	Cái		12	Trung Quốc	Tốt

28	Dụng cụ tạo mẫu Marshall	Cái	01	Trung Quốc	Tốt
29	Bộ trục tạo mẫu Marshall/CBR	Cái	01	Trung Quốc	Tốt
30	Thước 3 m đo độ bằng phẳng	Cái	01	Trung Quốc	Tốt
31	Dụng cụ rắc cát XĐ độ nhám mặt đường	Cái	01	Trung Quốc	Tốt
32	Bể ổn định nhiệt Marshall	Cái	01	Trung Quốc	Tốt
33	Máy chiếc nhựa 3000grs bằng PP li tâm	Cái	01	Trung Quốc	Tốt
34	Giấy lọc cho máy quay li tâm	Tờ	100	Trung Quốc	Tốt
35	Bình hút chân không \$300 Đồng hồ bấm giây	Cái	02	Trung Quốc	Tốt
36	Máy xác định độ kim lún tự động	Cái	01	Trung Quốc	Tốt
37	Máy xác định độ giãn dài của nhựa	Cái	01	Trung Quốc	Tốt
38	Thiết bị xác định điểm hóa mềm nhựa	Cái	01	Trung Quốc	Tốt
39	Thiết bị XĐ độ bắt cháy bốc lửa nhựa	Cái	01	Trung Quốc	Tốt
40	Khuôn BT hình trụ 150 x 300	Cái	09	Trung Quốc	Tốt
41	Sàng 0.9 xác định độ mịn xi măng	Cái	02	Trung Quốc	Tốt
42	Bộ cối nén đập xi lanh 75 và 150	Cái	01	Trung Quốc	Tốt
43	Côn đo độ sụt bê tông	Cái	01	Việt Nam	Tốt
44	Bình XĐ hàm lượng bụi, bùn, sét, cát	Cái	01	Trung Quốc	Tốt
45	Máy khoan bê tông nhựa và BTXM	Cái	01	Trung Quốc	Tốt
46	Thước kẹp	Cái	02	Trung Quốc	Tốt
47	Máy kéo uốn vạn năng 1000kN	Cái	01	Trung Quốc	Tốt
48	Máy nén bê tông 2000kN	Cái	01	Trung Quốc	Tốt
49	Máy LosAngLet	Cái	01	Trung Quốc	Tốt
50	Máy trộn vữa	Cái	01	Trung Quốc	Tốt

51	Bàn giăng tạo mẫu vữa	Cái	01	Trung Quốc	Tốt
52	Bàn rung đúc mẫu bê tông	Cái	01	Trung Quốc	Tốt
53	Khuôn BT 150 x 150x150	Cái	100	Việt Nam	Tốt
54	Khuôn vữa 40x40x160	Cái	2	Trung Quốc	Tốt
55	Quả dọi Vaxiliep	Cái	01	Trung Quốc	Tốt
56	Máy khoan địa chất	Máy	01	Trung Quốc	Tốt
57	Máy khoan thăm dò địa chất điều khiển bằng thủy lực khoan sâu vào các lớp đất, đá. Trọng lượng máy 750kg, cần khoan đường kính 49mm, độ dày cần 10mm, khoan sâu 200m.	Cái	01	Trung Quốc	Tốt
58	Siêu âm bê tông kết hợp Súng bắn bê tông nhãn hiệu CONCRETE TEST HAMMER	Cái	01	Ý	Tốt
59	Máy siêu âm kiểm tra khuyết tật mỗi hàn kim loại Model: XUT560C. vận tốc: 1000-9999m/s	Cái	01	Trung Quốc	Tốt
60	Thử áp lực đường ống nước, bơm áp lực, đồng hồ hiển thị và các dụng cụ khác	Cái	01	Trung Quốc	Tốt
61	Thiết bị đo chiều dày lớp phủ sơn (lớp mạ) Model: MC996	Cái	01	Trung Quốc	Tốt
62	Xác định tải trọng cọc gồm kích thủy lực 300tấn hành trình 150mm Model: FCY 300150	Cái	01	Trung Quốc	Tốt

3. Danh sách thí nghiệm viên

Số TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ đào tạo
1	Nguyễn Ngọc Đông	Sơ cấp nghề	Bằng nghề thí nghiệm kiểm tra chất lượng đường ô tô
2	Nguyễn Ngọc Hùng	Đại học	Kỹ sư kỹ thuật công trình xây dựng; Chứng chỉ quản lý phòng thí nghiệm; Chứng nhận tập huấn tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 :2007; Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ thí nghiệm viên cơ lý bê tông và vật liệu xây dựng

3	Lê Việt Khoa	Đại học	Kỹ sư xây dựng cầu đường; Chứng chỉ thí nghiệm các tính chất cơ - lý bê tông và Vật liệu chế tạo bê tông
4	Nguyễn Trung Hiếu	Đại học	Kỹ sư kỹ thuật xây dựng; Bằng nghề thí nghiệm kiểm tra chất lượng đường ô tô; thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc
5	Lê Văn Lực	Trung cấp nghề	Bằng nghề thí nghiệm kiểm tra chất lượng đường ô tô
6	Trần Quốc Toàn	Trung cấp	Trung cấp nghề khảo sát địa hình; Chứng chỉ thí nghiệm đất xây dựng; Chứng chỉ thí nghiệm vật liệu (xi măng, cốt liệu bê tông vữa xây, gạch xây)
7	Nghiêm Thị Thanh Thuỷ	Sơ cấp nghề	Chứng chỉ thí nghiệm các tính chất cơ - lý bê tông và Vật liệu xây dựng
8	Hồ Sỹ Bách	Đại học	Kỹ sư xây dựng cầu đường; Chứng chỉ thí nghiệm viên kiểm tra chất lượng mối hàn bằng phương pháp siêu âm

Tên Công ty TNHH tư vấn xây dựng Long Hải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin đã công bố nêu trên./.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Ngọc Đông